|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT VÕ VĂN TẦN****PHÒNG THI :****MÃ SỐ / SBD :****108****MÃ ĐỀ :** | **BÀI** **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****HKI – NĂM HỌC : 2022 - 2023****MÔN: VẬT LÍ 10 (20 câu TN) – BAN KHTN****Thời gian làm bài: 30 phút** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bài thi:** | **Chữ ký giám khảo** | **Điểm trừ** (Giám thị ghi rõ lỗi vi phạm) | **Chữ ký giám thị** |
| **Điểm TN:** |  |  |  |
| **Điểm TL:** |

***Lưu ý:*** *Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và* ***tô kín một ô tròn*** *tương ứng với phương án trả lời đúng****.***

 **01**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **05** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **09** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **13** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **17** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **02** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **06** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **10** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **14** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **18** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **03** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **07**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **11**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **15** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **19** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **04** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **08** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **12**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **16** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **20** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**PHẦN A – TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Các giai đoạn trong chuyển động rơi của một vật gồm

 **A.** nhanh dần không đều và chuyển động đều. **B.** nhanh dần đều và nhanh dần không đều.

 **C.** nhanh dần đều, nhanh dần không đều và chuyển động đều. **D.** nhanh dần đều và chuyển động đều.

**Câu 2.** Một vật được ném ngang từ độ cao h với vận tốc v0 nào đó. Bỏ qua sức cản của không khí. Thời gian vật rơi đến mặt đất (t) là?

 **A.** $\sqrt{\frac{h}{2g}}$ **B.** $\sqrt{\frac{h}{g}}$ **C.** $\sqrt{\frac{2h}{g}}$ **D.** $\sqrt{\frac{v\_{0}}{g}}$

**Câu 3.** Một vật có trọng lượng 250 N trượt trên mặt sàn nằm ngang, biết lực ma sát trượt bằng 50 N. Hệ số ma sát trượt giữa vật và sàn là

 **A.** 5. **B.** 0,2 N/m. **C.** 0,2. **D.** 5 N/m.

**Câu 4.** Chọn phát biểu **đúng**.

 **A.** Chuyển động thẳng nhanh dần đều có gia tốc luôn luôn âm.

 **B.** Chuyển động thẳng nhanh dần đều có gia tốc luôn cùng chiều với vận tốc.

 **C.** Vận tốc trong chuyển động nhanh dần đều luôn luôn âm.

 **D.** Chuyển động thẳng nhanh dần đều có gia tốc luôn ngược chiều với vận tốc.

**Câu 5.** Lực cản của chất lưu có đặc điểm

 **A.** điểm đặt tại trọng tâm vật, phương và chiều bất kỳ.

 **B.** điểm đặt tại trọng tâm vật, phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống.

 **C.** điểm đặt tại trọng tâm vật, cùng phương và ngược chiều với chiều chuyển động của vật trong chất lưu.

 **D.** điểm đặt tại trọng tâm vật, phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên.

**Câu 6.** Đại lượng đặc trưng cho tính chất nhanh hay chậm của chuyển động là

 **A.** gia tốc. **B.** quãng đường đi. **C.** tọa độ. **D.** tốc độ.

**Câu 7.** Câu nào sau đây **sai?**

 **A.** Lực căng của dây có bản chất là lực đàn hồi. **B.** Lực căng có thể là lực kéo hoặc lực nén.

 **C.** Lực căng của dây có điểm đặt là điểm mà đầu dây tiếp xúc với vật.

 **D.** Lực căng có phương trùng với chính sợi dây, chiều hướng từ hai đầu vào phần giữa của dây.

**Câu 8.** Độ lớn của lực đẩy Archimedes được xác định bằng biểu thức

 **A.** $ F\_{A}=ρ.g.V$. **B.** $ F\_{A}=μ.N.$ **C.** $F\_{A}=ρ.g.N.$ **D.** $F\_{A}=g.V.$

**Câu 9.** Hệ quy chiếu đứng yên là

 **A.** hệ quy chiếu gắn với vật làm gốc được quy ước là đứng yên.

 **B.** hệ quy chiếu gắn với một vật.

 **C.** hệ quy chiếu gắn với một vật cố định có thể đứng yên hoặc chuyển động.

 **D.** hệ quy chiếu gắn với vật chuyển động.

**Câu 10.** Các thiết bị như: tàu ngầm, tên lửa thường được thiết kế với những hình dạng đặc biệt để

 **A.** giảm thiểu lực cản. **B.** tiết kiệm chi phí chế tạo.

 **C.** mang tính thẩm mỹ. **D.** tăng thể tích thiết bị.

**Câu 11.** Trong các hiện tượng sau, hiện tượng nào xảy ra **không** do quán tính?

 **A.** Khi bút máy bị tắt mực, ta vẩy mạnh để mực văng ra.

 **B.** Khi xe chạy, hành khách ngồi trên xe nghiêng sang phải khi xe rẽ trái.

 **C.** Một người chạy xe đạp quanh bờ hồ.

 **D.** Lưỡi búa được tra vào cán khi gõ cán búa xuống nền.

**Câu 12.** Câu nào sau đây **sai** khi nói về rơi tự do?

 **A.** Khi vật rơi tự do thì vận tốc ban đầu bằng 0.

 **B.** Rơi tự do là chuyển động nhanh dần đều.

 **C.** Rơi tự do là chuyển động chậm dần đều.

 **D.** Khi vật rơi tự do thì lực cản của môi trường tác dụng lên vật không đáng kể.

**Câu 13.** Các đơn vị cơ bản trong hệ đơn vị SI là

 **A.** m, kg, s, K, A, mol, cd. **B.** m, kg, s, K. **C.** m, s, K, mol, cd. **D.** kg, , K, mol, cd.

**Câu 14.** Chọn đáp án **sai**. Cần tuân thủ các biển báo an toàn trong phòng thực hành nhằm mục đích

 **A.** Hạn chế các trường hợp nguy hiểm như: đứt tay, ngộ độc,…

 **B.** Tạo ra nhiều sản phẩm mang lại lợi nhuận.

 **C.** Tránh được các tổn thất về tài sản nếu không làm theo hướng dẫn.

 **D.** Chống cháy, nổ.

**Câu 15.** Một vật khối lượng 12 kg được treo thẳng đứng bởi một sợi dây, vật ở trạng thái cân bằng. Tính độ lớn lực căng tác dụng vào vật. Lấy g = 10 m/s2.

 **A.** 200 N. **B.** 150 N. **C.** 120 N. **D.** 10 N.

**Câu 16.** Một vật đang chuyển động với vận tốc 3 m/s. Nếu bỗng nhiên các lực tác dụng lên nó mất đi thì

 **A.** Vật dừng lại ngay.

 **B.** Vật đổi hướng chuyển động.

 **C.** Vật tiếp tục chuyển động theo hướng cũ với vận tốc 3 m/s.

 **D.** Vật chuyển động chậm dần rồi mới dừng lại.

**Câu 17.** Một người đi xe đạp xuống dốc dài 100 m. Tốc độ ở đỉnh dốc là 3 m/s và ở chân dốc lúc đến nơi là 5 m/s. Coi chuyển động trên là chuyển động nhanh dần đều. Xác định gia tốc của chuyển động.

 **A.** 0,16 m/s2. **B.** 0,08 m/s2. **C.** 0,04 m/s2. **D.** 0,32 m/s2.

**Câu 18.** Một học sinh thực hiện đo chiều dày cuốn sách 4 lần, được kết quả như sau: 2,3 cm; 2,4 cm; 2,5 cm; 2,4 cm. Tính giá trị trung bình chiều dày cuốn sách.

 **A.** 2,3 cm. **B.** 2,4 cm. **C.** 2,45 cm. **D.** 2,5 cm.

**Câu 19.** Biết vận tốc của ca nô so với mặt nước đứng yên là 10 m/s, vận tốc của dòng nước là 5 m/s. Vận tốc của ca nô khi xuôi dòng nước là

 **A.** 5 m/s. **B.** 4 m/s. **C.** 8 m/s. **D.** 15 m/s.

**Câu 20.** Biểu thức của định luật III Newton được viết cho hai vật tương tác A và B?

 **A.** $\vec{F}\_{AB}=\vec{F}\_{BA}$. **B.** $-\vec{F}\_{AB}=-\vec{F}\_{BA}.$ **C.** $\vec{F}\_{AB}=-\vec{F}\_{BA}.$ **D.** $\vec{F}\_{AB}=m\vec{a}$.

***------ HẾT ------***